HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14 /2020/NQ-HĐND	*Ninh Thuận, ngày 10 tháng 12 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định một số điều của Luật dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ;

Xét Tờ trình số 238/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; trong đó:

1. Đơn vị hành chính cấp xã loại 1, xã ven biển, được bố trí không quá 02 Phó chỉ huy trưởng. Số lượng Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã trong số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại Nghị quyết số 24/2029/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Hỗ trợ phụ cấp hàng tháng đối với Thôn đội trưởng 745.000 đồng.

3. Mức trợ cấp ngày công lao động của dân quân, trừ dân quân biển và dân quân thường trực khi có quyết định huy động, điều động làm nhiệm vụ hoặc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt, được hưởng trợ cấp ngày công lao động 119.200 đồng; trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức trợ cấp tăng thêm 59.600 đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa X Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 10/12/2020 và có hiệu lực từ ngày 21../12/2020; thay thế Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Đề án tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2017-2020./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tư lệnh Quân khu 5;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CNTT và TT (Công báo);
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thanh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021- 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14 /2020/NQ-HĐND ngày 10 /12/2020 của HĐND tỉnh Ninh Thuận)

Phần 1

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Luật Dân quân tự vệ năm 2009 được Quốc hội thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2009, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2010. Ngày 05/01/2016 Chính phủ ban hành Nghị định số 03/2016/NĐ-CP. Ngày 17 tháng 7 năm 2017 Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND và ngày 03 tháng 8 năm 2017 UBND tỉnh Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND về việc ban hành "Đề án tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 – 2020" "gọi tắt là Đề án". Sau 10 năm thực hiện Luật và 04 năm thực hiện Đề án đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo cơ sở pháp lý để xây dựng Dân quân tự vệ (DQTV) vững mạnh, rộng khắp, nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của DQTV, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, củng cố tăng cường tiềm lực quốc phòng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương, cơ sở.

Tuy nhiên, nhiều chủ trương, quan điểm mới của Đảng, quy định của Hiến pháp năm 2013 liên quan đến DQTV chưa được thể chế và cụ thể hóa trong Luật DQTV năm 2009. Một số quy định của Luật chưa thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quốc phòng và pháp luật có liên quan. Tổ chức, triển khai thực hiện Đề án giai đoạn 2017- 2020 của tỉnh trong điều kiện nguồn thu ngân sách của tỉnh còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước; các huyện, thành phố thu ngân sách không đồng đều, nhất là các huyện miền núi. Nhiều vấn đề mới phát sinh trên thực tiễn liên quan đến DQTV chưa được điều chỉnh đầy đủ, đã bộc lộ nhiều hạn chế, vướng mắc, bất cập về xây dựng, huấn luyện, đào tạo, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV thể hiện ở một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất: Việc quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết, văn bản pháp luật về DQTV ở một số địa phương, cơ sở còn hạn chế; tổ chức đăng ký, quản lý lực lượng DQTV sau khi hoàn thành nghĩa vụ thiếu chặt chẽ; tỷ lệ đảng viên trong Dân quân còn thấp; thời gian tập huấn, huấn luyện chưa bảo đảm; hiệu quả hoạt động còn hạn chế, chế độ chính sách có thời điểm bảo đảm chưa kịp thời, có nơi còn thấp hơn mức quy định của Luật DQTV. Việc phối hợp của các Sở, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố còn nhiều bất cập, nhất là trong việc lập dự toán

ngân sách bảo đảm cho công tác xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng DQTV, dẫn đến một số chế độ, chính sách chưa thực hiện được, hoặc có thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo Luật DQTV quy định; do vậy ảnh hưởng đến sức mạnh tổng hợp và hiệu quả hoạt động của lực lượng DQTV.

Thứ hai: Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh được ban hành trên cơ sở Luật Dân quân tự vệ số 43 ngày 23 tháng 11 năm 2009; Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ, Thông tư số 33/2016/TT-BQP ngày 29/3/2016 của Bộ Quốc phòng. Hiện nay các văn bản trên đã hết hiệu lực và được thay thế bởi các văn bản mới như: Luật Dân quân tự vệ năm 2019 đã thay thế Luật Dân quân tự vệ năm 2009; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ đã thay thế Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ. Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng đã thay thế Thông tư số 33/2016/TT-BQP ngày 29/3/2016 của Bộ Quốc phòng; theo đó một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung như: Quy định độ tuổi DQTV, hiện nay độ tuổi DQTV có thể kéo dài hơn; quy định về số lượng xây dựng DQTV đạt tỷ lệ % so với dân số, hiện nay quy định xây dựng DQTV theo quy mô tổ chức DQTV, không tính theo tỷ lệ % so với dân số; quy định thành phần DQTV có 02 thành phần (*DQTV nòng cốt, DQTV rộng rãi*), hiện nay quy định có 05 thành phần (*1. DQTV tại chỗ, 2. DQTV cơ động, 3. DQTV thường trực, 4. DQTV biển, 5. DQTV phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế*), không còn quy định thành phần DQTV nòng cốt và DQTV rộng rãi; bảo đảm chế độ, chính sách DQTV, quy định chi trả hệ số theo mức lương cơ sở, hiện nay chi trả theo định mức hưởng cụ thể theo chức vụ DQTV, ngày công lao động của DQTV, không quy định chi trả hệ số theo mức lương cơ sở. Trang phục cho dân quân tự vệ, hiện nay đã thay đổi số lượng, mẫu, chất liệu, kiểu dáng và một số nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Thứ ba: Thời gian thực hiện Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh giai đoạn 2017 – 2020, hiện nay đã hết thời gian. Luật Dân quân tự vệ số 48 ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội đã ban hành, dẫn chiếu theo Luật, giao Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn Đề án về Dân quân tự vệ. Để tiếp tục thực hiện Kết luận số 41-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng DQTV và DBĐV trong tình hình mới; Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 21/6/2011 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng DQTV trong tình hình mới; cụ thể hóa Luật Dân quân tự vệ và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Dân quân tự vệ mới ban hành.

Thứ tư: Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng dân tộc, chiến tranh bảo vệ tổ quốc trước đây; chiến tranh nếu xảy ra trong tương lai và tình hình dịch bệnh, thiên tai xảy ra hiện nay ở bất kỳ quy mô, phương thức nào thì DQTV luôn là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc và khắc phục hậu quả thiên tai ở địa phương, cơ sở.

Xuất phát từ những vấn đề trên, việc xây dựng Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ trên địa bàn

tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 là cần thiết; có ý nghĩa quan trọng góp phần củng cố, tăng cường nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc. Thực hiện đúng quy định các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước; bảo đảm xây dựng, huấn luyện, hoạt động, chế độ, chính sách, nguồn ngân sách chi cho lực lượng DQTV trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến đạt hiệu quả cao, sát với tình hình thực tế của địa phương.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ vào văn bản của Đảng, Nhà nước

- Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng DQTV và lực lượng dự bị động viên (gọi tắt là Chỉ thị số 16-CT/TW);

- Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW (gọi tắt là Kết luận số 41-KL/TW);

- Hướng dẫn số 246-HD/ĐU và Chương trình hành động số 247-CTr/ĐU ngày 8/7/2009 của Đảng ủy quân sự Trung ương về thực hiện Kết luận số 41-KL/TW;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Dân quân tự vệ số ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với Dân quân tự vệ;

- Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng và Quyết định số 2830/QĐ-BQP ngày 12/9/2020 của Bộ Quốc phòng ban hành Kế hoạch xây dựng điểm về Dân quân tự vệ ;

- Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 21/6/2011 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng DQTV trong tình hình mới.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân khu 5 lần thứ X, nhiệm kỳ 2020-2025 và một số văn bản có liên quan.

2. Căn cứ thực tiễn

Tổ chức đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh có 06 huyện và 01 thành phố; trong đó: 01 huyện hưởng chế độ chính sách 30a của Thủ tướng Chính phủ; 33/65 xã, phường trọng điểm quốc phòng; 11 xã an toàn khu, 02 vùng an toàn khu; 397 thôn, khu phố. Một số sở, ban, ngành của tỉnh, văn phòng thành ủy, huyện ủy, văn phòng HĐND, UBND cấp huyện sáp nhập, đây là các đầu mối tổ chức biên chế Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và lực lượng tự vệ.

Tình hình kinh tế của tỉnh trong những năm qua có sự tăng trưởng khá, có điều kiện khả năng bảo đảm ngân sách chi cho DQTV xây dựng, huấn luyện và hoạt động được khá hơn.

Thực trạng tổng kết Đề án tổ chức, hoạt động, chế độ chính, sách đối với DQTV trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020 có những ưu điểm, hạn chế đó là:

a. *Ưu điểm*: Qua 4 năm triển khai thực hiện Đề án, trong điều kiện có những yếu tố khách quan, chủ quan chi phối, song cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị đã có sự quan tâm, đầu tư triển khai thực hiện Đề án, nên lực lượng DQTV luôn được chăm lo củng cố, kiện toàn vững mạnh toàn diện cả về số lượng và chất lượng. Công tác đào tạo, tập huấn cán bộ, huấn luyện, hội thi, hội thao DQTV ngày càng nâng cao đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đề án giai đoạn 2017-2020 đã khắc phục được một số tồn tại, hạn chế của Đề án giai đoạn 2011-2015 đó là: Việc tổ chức xây dựng lực lượng DQTV ở thôn, xóm, khu phố, các cơ quan, đơn vị đã đi vào nề nếp, không chạy theo thành tích lấy chất lượng và độ tin cậy là chính. Công tác tập huấn cán bộ, huấn luyện DQTV ở các cấp đã duy trì thường xuyên; trong huấn luyện đã nâng cao được chất lượng, thời gian, nội dung theo chương trình quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng. UBND tỉnh và một số địa phương đã bảo đảm kinh phí để chi trả chế độ cho cán bộ DQTV như: Chế độ phụ cấp thâm niên của Ban CHQS cấp xã; chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã, trung đội trưởng Dân quân cơ động; hỗ trợ thêm 1,0 so với mức lương cơ sở cho Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã (theo Đề án); phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy của Ban CHQS cơ quan, tổ chức các sở, ngành cấp tỉnh đã được thực hiện.

b. *Tồn tại, hạn chế*

- Về tổ chức, biên chế cán bộ DQTV: Do kinh phí không bảo đảm nên một số địa phương biên chế còn thiếu số lượng Phó chỉ huy trưởng đối với cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh. (*hiện nay mới biên chế được 16/33 xã, đạt 48,48%; Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định biên chế 02 đ/c*). Bố trí Trưởng thôn, khu phố, bí thư thôn, khu phố kiêm nhiệm thôn đội trưởng (*111/401, đạt 27,6%*) chưa đúng theo quy định của Luật DQTV.

- Về chế độ, chính sách DQTV

+ Ngân sách thực hiện theo Đề án bảo đảm chế độ, chính sách DQTV của các địa phương chi theo từng năm chưa đủ, một số chế độ, chính sách của DQTV mới được thực hiện từ năm 2019 đến nay.

+ Một số địa phương chưa hỗ trợ 1,0 mức lương cơ sở hàng tháng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho Phó chỉ trưởng quân sự cấp xã (trừ huyện Ninh Phước, Ninh Hải);

+ Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng quân sự đối với Phó chỉ huy trưởng quân sự cấp xã; Trung đội trưởng dân quân cơ động chưa được thực hiện (huyện Bác Ái).

+ Việc bảo đảm kinh phí chi trả ngày công lao động cho lực lượng Dân quân thường trực chưa đúng theo Luật DQTV quy định, do đó việc xây dựng Dân quân

thường trực chưa huấn luyện, hoạt động thường xuyên theo quy định của Quân khu và Bộ Quốc phòng, các địa phương chủ yếu điều động trong các ngày trực sẵn sàng chiến đấu (*Quy định 5.400.000đ/người/tháng, Dân quân thường trực 24/24 trực tại trụ sở UBND cấp xã; các địa phương huyện Ninh Sơn, Ninh Phước, Ninh Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm chi trả hơn 3.000.000đ/người/tháng; còn lại chỉ mang tính chất hỗ trợ từ 500.000đ đến 1.500.000đ/người/tháng*).

+ Hỗ trợ chi trả ngày công lao động cho lực lượng DQTV tham gia nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra và làm nhiệm vụ khác chưa đúng theo Luật (*các huyện, thành phố đồng bằng ven biển bảo đảm từ 50.000đ-70.000đ/người/ngày; các huyện miền núi bảo đảm từ 30.000đ-50.000đ/người/ngày; quy định 119.200đ, hỗ trợ tiền ăn 62.000đ/người/ngày*).

+ Các địa phương chưa mua sắm công cụ hỗ trợ cho DQTV thực hiện theo Thông tư số 65/2016/TT-BQP của Bộ Quốc phòng; khi có tình huống xảy ra rất khó hoàn thành nhiệm vụ.

Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thật sự quan tâm thực hiện Đề án. Ý thức, trách nhiệm của một số cán bộ, chiến sỹ DQTV và một bộ phận quần chúng nhân dân chưa tự giác chấp hành.

- Sự phối hợp giữa cơ quan quân sự các cấp với các ban, ngành, đoàn thể trong tổ chức triển khai thực hiện Đề án có lúc chưa chặt chẽ, thống nhất.

- Năng lực tham mưu của một số Ban CHQS cấp huyện, xã có mặt còn hạn chế như chưa chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án, cũng như đề xuất các biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động, cơ chế bảo đảm chế độ chính sách cho lực lượng DQTV.

- Nguồn ngân sách chi thực hiện Đề án mới chỉ có cấp tỉnh bảo đảm, cấp huyện, xã bảo đảm kinh phí còn hạn chế, nhất là cấp xã hiện nay không còn nguồn thu từ quỹ Quốc phòng, an ninh; do đó một số chế độ chính sách của DQTV chưa thực hiện được (như đã nêu trên).

- Một số Nghị định của Chính phủ còn chồng chéo, chưa quy định rõ ràng nguồn ngân sách chi bố trí số lượng Phó chỉ huy trưởng quân sự cấp xã trọng điểm quốc phòng và an ninh (*Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/04/2019 của Chính phủ quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; quy định khoán lương đối với cán bộ cấp xã, số lượng Phó CHTQS biên chế 01đ/c. Tuy nhiên Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ; quy định chi tiết Luật DQTV, số lượng Phó CHTQS cấp xã trọng điểm về quốc phòng và an ninh được bố trí 02 Phó CHT, khó khăn cho các địa phương bảo đảm nguồn ngân sách*).

Phần 2

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM

- Giữ vững, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của chính quyền địa phương các cấp đối với DQTV; tuân thủ trình tự, thủ tục và đúng các văn bản quy phạm pháp luật.

- Cụ thể hóa Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách; Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng và một số văn bản pháp luật khác có liên quan, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ để hoàn thiện Đề án về thực hiện tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động bảo đảm chế độ, chính sách cho lực lượng DQTV, bảo đảm tính hợp pháp và thống nhất, phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Khắc phục hạn chế, vướng mắc, bất cập, nghiên cứu nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, các nhóm giải pháp, kiến nghị, đề xuất rút ra từ tổng kết thực hiện Đề án giai đoạn 2017-2020; tiếp thu những ý kiến hợp lý của cơ quan, sở, ngành, địa phương trong quá trình soạn thảo, bảo đảm công khai, dân chủ, khả thi; tiếp thu có chọn lọc việc xây dựng đề án của một số tỉnh trên địa bàn Quân khu, vận dụng phù hợp với điều kiện địa phương mình.

II. MỤC TIÊU

- Xây dựng DQTV vững mạnh, rộng khắp; tổ chức, biên chế DQTV phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gắn với địa bàn và nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, tổ chức; thuận tiện cho lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, quản lý và phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế-xã hội của từng địa phương, cơ quan, tổ chức.

- Xây dựng DQTV phải nâng cao chất lượng tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh; cùng với Quân đội nhân dân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Chú trọng xây dựng nâng cao chất lượng dân quân tự vệ ở vùng trọng điểm về quốc phòng và những địa bàn phức tạp, đảm bảo đủ sức đối phó với các tình huống xảy ra.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận điều chỉnh các nội dung gồm: Nghĩa vụ tham gia DQTV; tổ chức biên chế DQTV, số lượng Phó chỉ huy trưởng quân sự xã, Dân quân thường trực cấp xã trọng điểm về quốc phòng; mức hưởng chế độ phụ cấp các chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ; định mức bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV khi thực hiện nhiệm vụ; trang phục, công cụ hỗ trợ của DQTV. Các nội dung còn lại thực hiện theo quy định của Luật DQTV.

Phần 3

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ NGUỒN, TUYỂN CHỌN LỰC LƯỢNG DQTV, TỔ CHỨC LUÂN PHIÊN LỰC LƯỢNG DQTV

1. Tổ chức đăng ký, quản lý công dân

a) Đăng ký: Đăng ký công dân trong độ tuổi thực hiện Luật DQTV là nội dung trước tiên của công tác xây dựng lực lượng DQTV, là điều kiện để tuyển chọn công dân có chất lượng để kết nạp vào lực lượng DQTV trong thời bình và mở rộng quy mô lực lượng khi chuyển sang thời chiến. Trách nhiệm đăng ký là Ủy ban nhân dân cấp xã; trước khi đăng ký phải tổ chức tập huấn cho các thành phần tham gia đăng ký, thời điểm đăng ký vào tháng 4 hằng năm, địa điểm đăng ký tại thôn, khu phố hoặc cụm dân cư.

Đối tượng có nghĩa vụ tham gia đăng ký là nam công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, nữ công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi; nếu tình nguyện tham gia DQTV thì có thể kéo dài đến 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ; sau đăng ký, UBND cấp xã tiến hành xét duyệt công dân đủ điều kiện kết nạp vào lực lượng DQTV, công dân đủ điều kiện sẵn sàng mở rộng khi có tình huống về quốc phòng, tổng hợp kết quả đăng ký báo cáo cấp trên vào tháng 5 hàng năm.

b) Quản lý công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV

Đối tượng quản lý bao gồm: DQTV trong độ tuổi; DQTV đủ điều kiện thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV; đã hoàn thành nghĩa vụ DQTV còn trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ DQTV; quân nhân dự bị chưa xếp vào đơn vị dự bị động viên.

2. Tổ chức luân phiên lực lượng DQTV

Thực hiện luân phiên là yêu cầu cần thiết, với mục đích thực hiện quân sự hóa toàn dân, đảm bảo tính công bằng xã hội, cung cấp nguồn cho lực lượng vũ trang khi có tình huống, hoặc chiến tranh xảy ra. Ban chỉ huy quân sự cấp xã phải lập kế hoạch trình Ban chỉ huy quân sự cấp huyện phê duyệt, tổ chức luân phiên theo tỷ lệ 25% so với tổng số DQTV, cho ra lực lượng DQTV đã hoàn thành nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định.

II. TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ DQTV

1. Tổ chức biên chế DQTV

Tổ chức biên chế lực lượng DQTV bộ binh, binh chủng ở từng cấp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng và quy định của Tư lệnh Quân khu 5, cụ thể:

a) Đối với cấp tỉnh: Tiếp tục xây dựng 01 đại đội tự vệ Pháo Phòng không 37mm;

b) Đối với cấp huyện

- Lực lượng cơ động: Mỗi huyện, thành phố xây dựng 1-2 trung đội dân quân cơ động, lực lượng lấy ở những địa bàn gần trung tâm hành chính cấp huyện để tiện huy động làm nhiệm vụ khi cần thiết.

- Lực lượng Pháo binh : Mỗi huyện, thành phố xây dựng 1-2 trung đội cối 82 mm, 1-2 trung đội ĐKZ 82 mm.

- Lực lượng phòng không: Mỗi huyện, thành phố xây dựng 1- 2 trung đội SMPK 12,7mm.

c) Đối với cấp xã: Quy mô tổ chức chủ yếu cấp trung đội, tiểu đội và tổ; cụ thể:

- Lực lượng dân quân cơ động: Tổ chức 01 trung đội;

- Lực lượng dân quân thường trực: Cấp xã trọng điểm về quốc phòng xây dựng từ 01 tiểu đội (*không lấy trong trung đội dân quân cơ động của cấp xã*).

- DQTV binh chủng: Thông tin, công binh, phòng hoá, trinh sát, y tế xây dựng từ 01-02 tổ, hoặc 01 tiểu đội.

- Lực lượng Cối 60 mm: Xây dựng từ 01-02 khẩu đội.

- Cấp xã ven biển: Xây dựng lực lượng dân quân biển ở cả 3 tuyến bờ, lộng, khơi, quy mô xây dựng từ 01-02 tiểu đội hoặc 01 trung đội.

d) Thôn: Tổ chức từ 01-03 tổ hoặc tiểu đội, trung đội.

đ) Đối với Cơ quan, tổ chức

Thực hiện theo Điều 17 Luật DQTV, xây dựng theo sự chỉ đạo của cơ quan quân sự tỉnh và cấp huyện, lấy đơn vị công tác, sản xuất để tổ chức lực lượng tự vệ; quy mô tổ chức là tiểu đội, trung đội chiến đấu tại chỗ; có thể tổ chức một số đơn vị binh chủng, quy mô tiểu đội, khẩu đội, trung đội (không tổ chức xây dựng tổ tự vệ).

2. Số lượng DQTV toàn tỉnh

Tổng số DQTV: 9.013đ/c; trong đó dân quân 6.773đ/c; tự vệ 2.240đ/c; quy mô 1 đại đội Pháo Phòng không thuộc tỉnh; cấp huyện, xã 148 trung đội, 242 tiểu đội, 27 khẩu đội, 610 tổ.

3. Chất lượng DQTV

Từng bước nâng tỷ lệ đảng viên trong DQTV toàn tỉnh đến năm 2025 đạt 25% trở lên, trong đó tỷ lệ đảng viên trong dân quân đạt 18% trở lên, tỷ lệ đảng viên trong tự vệ đạt 40% trở lên; 100% xã, phường, thị trấn có đảng bộ được thành lập chi bộ quân sự; trong đó 80% trở lên chi bộ có cấp uỷ; tiểu đội trưởng Dân quân thường trực là đảng viên, trung đội Dân quân cơ động có tổ đảng; đại đội Pháo Phòng không 37mm tự vệ có tổ đảng. Để góp phần nâng cao chất lượng đảng viên, hàng năm các cơ sở có kế hoạch phát triển từ 1 đến 2 đảng viên ở mỗi chi bộ quân sự. Tỷ lệ đoàn viên đạt trên 65% trở lên; 100% các trung đội dân quân cơ động hoàn thành nhiệm vụ được giao trong mọi tình huống; 100% Ban chỉ huy quân sự các xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4. Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, cán bộ DQTV

a) Ban CHQS cấp xã

Tổng số 65 Ban chỉ huy quân sự cấp xã; thường xuyên bổ sung, kiện toàn đủ 04 đồng chí gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó chỉ huy trưởng, Chính trị viên

phó *(đơn vị hành chính cấp xã loại 1, xã ven biển được bố trí không quá 02 Phó chỉ huy trưởng).*

- Chỉ huy trưởng là công chức, ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã; 100% là cấp uỷ viên tổ chức đảng cùng cấp;

- Chính trị viên do Bí thư cấp uỷ xã đảm nhiệm;

- Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã đảm nhiệm;

- Phó chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

b) Ban CHQS cơ quan, tổ chức cơ sở

- Tổng số 45 Ban chỉ huy cơ quan, tổ chức; thường xuyên bổ sung kiện toàn đủ 04 đồng chí, chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm;

- Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức; chính trị viên do Bí thư cấp ủy Đảng của cơ quan đảm nhiệm, Chính trị viên phó do Bí thư cơ sở đoàn hoặc Phó Bí thư cấp ủy Đảng của cơ quan đảm nhiệm, Phó chỉ huy trưởng là cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

c) Cán bộ quản lý, chỉ huy DQTV

Cán bộ phân đội DQTV được bố trí tương ứng với đơn vị phân đội DQTV từ tiểu đội đến đại đội gồm:

- Tiểu đội trưởng, trung đội trưởng, thôn đội trưởng (khu đội trưởng);

- Đại đội có Ban chỉ huy gồm: Đại đội trưởng, Chính trị viên, Phó đại đội trưởng, Chính trị viên phó;

Khi bổ nhiệm cán bộ phân đội phải tuyển chọn những người có đủ tiêu chuẩn về sức khỏe, chính trị, trình độ, năng lực đủ khả năng chỉ huy đơn vị DQTV hoàn thành nhiệm vụ được giao.

III. ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN, HỘI THI, HỘI THAO, DIỄP TẬP

1. Đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học quân sự cơ sở

a) Đào tạo: Để từng bước nâng cao năng lực, trình độ cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn thực hiện Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 25/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt đề án đào tạo cán bộ quân sự cấp xã trình độ Cao đẳng, Đại học ngành quân sự cơ sở đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Hàng năm tuyển chọn cán bộ cử đi đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở cho cán bộ Ban CHQS cấp xã tại Trường quân sự Quân khu. Tuyển chọn 10 đến 15% cán bộ đã qua đào tạo trung cấp, cao đẳng ngành quân sự cơ sở, đi đào tạo liên thông cao đẳng, đại học hệ vừa làm vừa học tại Trường quân sự Quân khu 5 và tuyển sinh đào tạo cao đẳng, đại học chính quy tại trường Sĩ quan Lục quân 2 theo chỉ tiêu được giao (*nguồn kinh phí do Bộ Quốc phòng bảo đảm*).

b) Tuyển chọn theo nhu cầu

- Chiêu sinh cán bộ đang giữ chức vụ Chỉ huy phó quân sự cấp xã (số chưa qua đào tạo) hoặc cán bộ đang giữ các cương vị khác trong tổ chức chính trị xã hội ở cấp xã, phường, thị trấn trong quy hoạch cán bộ quân sự địa phương. Ưu tiên tuyển chọn quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự là đảng viên giữ chức Tiểu đội trưởng (khẩu đội trưởng) trước khi xuất ngũ, cán bộ phân đội dân quân, song phải nguồn trong quy hoạch cán bộ quân sự cơ sở;

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức và trình độ năng lực công tác; có sức khỏe và khả năng tiếp thu kiến thức học tập;

- Có độ tuổi không quá 30 tuổi;

- Trình độ văn hóa tốt nghiệp trung học phổ thông.

c) Bố trí sắp xếp sau đào tạo

- Theo nhu cầu cán bộ quân sự ở cơ sở;

- Theo kết quả đào tạo;

- Bố trí đúng người, đúng việc, đúng chuyên ngành được đào tạo; không bố trí cán bộ chưa qua đào tạo chuyên ngành quân sự giữ chức vụ Phó chỉ huy trưởng hoặc Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

2. Tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao

Theo phân cấp hàng năm, trước khi bước vào huấn luyện cấp tỉnh đến cấp huyện, tổ chức tập huấn cho cán bộ DQTV theo đúng đối tượng, đảm bảo đủ nội dung, thời gian theo Thông tư 69/2020/TT-BQP ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ Quốc phòng sát với yêu cầu thực tế ở địa phương cụ thể.

a) Cấp tỉnh

- Tập huấn: Đối tượng thành phần 100% cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức cơ sở, cán bộ đại đội, trung đội trưởng, khẩu đội trưởng phòng không, pháo binh. Nội dung theo quy định của Bộ Quốc phòng và Quân khu 5. Thời gian 07 ngày/năm. Địa điểm tại Trung đoàn Bộ binh 896.

- Huấn luyện: Đối tượng cán bộ, chiến sỹ Đại đội Pháo Phòng không 14,5 mm.

- Hội thi, hội thao: Hội thi Luật DQTV (quý 1/2021); Hội thao lực lượng vũ trang tỉnh; Quân khu, 02 lần (năm 2022; 2025).

b) Cấp huyện

- Tập huấn: Đối tượng thành phần; Thôn đội trưởng, cán bộ từ tiểu đội đến trung đội các đơn vị DQTV (trừ các thành phần do tỉnh quản lý); khẩu đội trưởng 12,7mm, 14,5 mm, ĐKZ, cối 82mm, cối 60mm. Nội dung theo quy định của Bộ Quốc phòng và chỉ thị về công tác DQTV hàng năm của Tư lệnh Quân khu. Thời gian 05 ngày/năm. Địa điểm tại Ban CHQS cấp huyện, hoặc các cụm xã, phường, thị trấn do Ban CHQS cấp huyện xác định.

- Huấn luyện

+ Quân số, thời gian huấn luyện cho các đối tượng

Dân quân năm thứ nhất: Huấn luyện 100% quân số, thời gian 15 ngày;

Dân quân tự vệ năm thứ hai trở đi; dân quân cơ động , dân quân tự vệ biển: Huấn luyện 100% quân số, thời gian 12 ngày. DQTV phòng không, pháo binh, công binh, hóa học, thông tin, trinh sát, y tế: Huấn luyện từ 80% quân số trở lên, thời gian 12 ngày;

Dân quân thường trực: Huấn luyện 100% quân số, thời gian 60 ngày.

- Hội thi, hội thao: Hội thi Luật DQTV (quý 1/2021); Hội thao lực lượng vũ trang tỉnh 02 lần (năm 2022; 2025);

c) Cấp xã

- Huấn luyện: Dân quân cơ động 100% quân số, thời gian 12 ngày. Huấn luyện DQTV tại chỗ 70% quân số trở lên, thời gian từ 07 ngày;

- Hội thi, hội thao: Hội thi Luật DQTV (quý 1/2021); Hội thao lực lượng vũ trang tỉnh, 02 lần (năm 2022; 2025);

- Diễn tập chiến đấu phòng thủ: Mỗi năm diễp tập từ 25-30% tổng số cấp xã, đến năm 2024, 100% cấp xã phải diễn tập xong. Ngoài ra tham gia diễn tập do cấp trên tổ chức; diễn tập phòng chống thiên tai, dịch họa theo quyết định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

d) Cơ quan, tổ chức

Huấn luyện đơn vị tự vệ thuộc quyền quản lý; tham gia hội thi, hội thao, diễn tập và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyết định của cấp trên.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA DQTV

Mọi hoạt động của lực lượng DQTV thực hiện theo điều 29, 30, 31 của Luật số 48/2019/QH14; Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 quy định về hoạt động phối hợp của DQTV; Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 quy định chế độ sẵn sàng chiến đấu và kế hoạch về DQTV tập trung vào các dung hoạt động cơ bản đó là:

1. *Hoạt động sẵn sàng chiến đấu*: Duy trì và thực hiện chế độ hoạt động sẵn sàng chiến đấu của DQTV. Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch về DQTV. Làm nòng cốt xây dựng thôn, xã, phường, thị trấn chiến đấu; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, khu vực phòng thủ, nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ở địa phương. Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và các hoạt động khác.

2. *Hoạt động chiến đấu, phục vụ chiến đấu*: Mở rộng lực lượng DQTV theo quyết định cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 11 của Thông tư số 77/2020/TT-BQP. Bảo vệ phòng tránh, sơ tán của cơ quan, tổ chức, Nhân dân và mục tiêu được giao. Đánh địch bảo vệ thôn, xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức trong khu vực phòng thủ. Phục vụ chiến đấu trong khu vực phòng thủ. Tham gia

đấu tranh chính trị; xây dựng, củng cố thôn, xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức bám trụ chiến đấu.

3. *Hoạt động phối hợp:* DQTV phối hợp với lực lượng chức năng trong các hoạt động: Bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam. Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Tuyên truyền vận động Nhân dân xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện; thực hiện chính sách xã hội. Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và hoạt động phòng thủ dân sự khác.

V. BẢO ĐẢM SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG CHO DQTV

1. Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/2/2020 của Bộ Quốc phòng.

2. Công cụ hỗ trợ, trang bị, phương tiện

Đối tượng được trang bị: Dân quân cơ động, dân quân thường trực, dân quân tự vệ tại chỗ; được trang bị áo giáp, mũ bảo hộ, dùi cui, roi điện, lá chắn... các công cụ hỗ trợ được quản lý chặt chẽ để trong tủ riêng, khi sử dụng phải được sự nhất trí của cấp trên trực tiếp.

3. Bảo đảm cơ sở, vật chất

- Tiêu chuẩn, định mức cơ bản trang thiết bị làm việc của Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại Phụ lục I, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

- Hằng ngày, Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, đơn vị dân quân thường trực được cấp 01 số Báo Quân đội nhân dân.

VI. BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH DQTV

1. Phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ được chi trả theo tháng, mức hưởng như sau:

a) Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: 357.600 đồng;

b) Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: 327.800 đồng;

c) Trung đội trưởng dân quân cơ động, Trung đội trưởng dân quân thường trực: 298.000 đồng;

d) Thôn đội trưởng: 178.800 đồng và hưởng thêm 29.800 đồng khi kiêm nhiệm chức vụ tiểu đội trưởng, hoặc 35.760 đồng khi kiêm nhiệm chức vụ trung đội trưởng dân quân tại chỗ. Trường hợp thôn chỉ tổ chức tổ dân quân tại chỗ thì được hưởng thêm 29.800 đồng;

đ) Trung đội trưởng; Tiểu đội trưởng dân quân thường trực: 178.800 đồng;

e) Tiểu đội trưởng, Khẩu đội trưởng: 149.000 đồng.

2. Phục cấp hằng tháng, trợ cấp một lần của Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Thôn đội trưởng.

a) Đối với Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã

- Mức phụ cấp hằng tháng thực hiện theo quy định của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- Trường hợp nghỉ việc được hưởng trợ cấp một lần theo Nghị định 72/2020 của Chính phủ.

b) Đối với Thôn đội trưởng: Ngoài phụ cấp chức vụ chỉ huy Dân quân tự vệ đã quy định; được hưởng mức phụ cấp hàng tháng 745.000 đồng.

3. Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân cơ động, dân quân thường trực

- Mức phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự được tính bằng 50% tổng phụ cấp hiện hưởng gồm: Phụ cấp hằng tháng, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên.

- Thời gian được hưởng phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự, tính từ ngày có quyết định bổ nhiệm, và thực hiện cho đến khi có quyết định thôi giữ chức vụ đó; trường hợp giữ chức vụ từ 15 ngày trở lên trong tháng thì được hưởng phụ cấp cả tháng, giữ chức vụ dưới 15 ngày trong tháng thì được hưởng 50% phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của tháng đó.

4. Chế độ phụ cấp thâm niên các chức vụ chỉ huy quân sự cấp xã

a) Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên. Mức phụ cấp được hưởng như sau: Sau 05 năm (đủ 60 tháng) công tác thì được hưởng phụ cấp thâm niên bằng 5% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hoặc phụ cấp hằng tháng hiện hưởng; từ năm thứ sáu trở đi mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 1%.

b) Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác ở các ngành nghề khác nếu được hưởng phụ cấp thâm niên thì được cộng nối thời gian đó với thời gian giữ các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cấp xã để tính hưởng phụ cấp thâm niên. Thời gian công tác từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên nếu có đứt quãng thì được cộng dồn.

c) Chế độ phụ cấp thâm niên được tính trả cùng kỳ lương, phụ cấp hằng tháng và được tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

d) Thời gian không được tính hưởng phụ cấp thâm niên

Thời gian bị đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử; thời gian chấp hành hình phạt tù giam; thời gian tự ý nghỉ việc. Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương hoặc phụ cấp liên tục từ 01

tháng trở lên. Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

5. Định mức bảo đảm trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn, phụ cấp đặc thù đi biển đối với dân quân khi làm nhiệm vụ, trừ dân quân thường trực

Định mức bảo đảm trợ cấp ngày công lao động khi Dân quân tham gia huấn luyện, diễn tập, hoạt động, khi làm nhiệm vụ khác, theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt được hưởng trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn, phụ cấp đặc thù đi biển, định mức quy định như sau:

- Đối với dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế: Mức trợ cấp ngày công lao động 119.200 đồng, trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức trợ cấp tăng thêm 59.600 đồng; được hưởng tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Đối với dân quân biển: Khi làm nhiệm vụ, trừ nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển: Mức trợ cấp ngày công lao động bằng 178.800 đồng; được hưởng tiền ăn bằng mức tiền ăn như hạ sĩ quan, binh sĩ hải quân trên tàu cấp 1 neo đậu tại căn cứ. Khi làm nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ hải đảo, vùng biển được mức hưởng theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

6. Định mức bảo đảm trợ cấp, tiền ăn đối với dân quân thường trực

a) Mức trợ cấp ngày công lao động 119.200 đồng, được hưởng tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; được bảo đảm nơi ăn, nghỉ.

b) Mức trợ cấp một lần cho dân quân thường trực khi được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình, cứ mỗi năm phục vụ trong đơn vị dân quân thường trực được trợ cấp bằng 2.980.000 đồng. Trường hợp có tháng lẻ được tính như sau: Dưới 01 tháng không được trợ cấp; từ 01 tháng đến 06 tháng được hưởng trợ cấp bằng 1.490.000 đồng; từ 07 tháng đến 11 tháng được hưởng trợ cấp bằng 2.980.000 đồng.

c) Mức hưởng các chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiêu chuẩn vật chất hậu cần như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

7. Chế độ, chính sách đối với tự vệ khi làm nhiệm vụ

Thực hiện theo Điều 13, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

8. Điều kiện, mức hưởng, trình tự, thủ tục: Chế độ, chính sách đối với tự vệ và dân quân tự vệ bị ốm đau, tai nạn, bị chết, bị thương hoặc hy sinh trong khi huấn luyện, hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 14, 15, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

Phần 4

NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH DQTV GIAI ĐOẠN 2021- 2025

I. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguồn kinh phí, ngân sách để thực hiện Đề án

- Kinh phí, ngân sách nhà nước đảm bảo cho hoạt động của DQTV được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh. Nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách theo quy định của Chính phủ, Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về phân định nhiệm vụ thu, nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách giai đoạn 2021-2025.

- Ngân sách của các cơ quan, tổ chức, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội (các cơ quan, đơn vị có xây dựng lực lượng Tự vệ), ủng hộ của các tổ chức, cá nhân cho công tác xây dựng lực lượng DQTV.

- Nguồn thu hợp pháp khác.

2. Dự kiến tổng mức kinh phí:

Dự kiến tổng mức kinh phí trong 5 năm (từ 2021-2025) **là 261.627.834.000 đồng;** trong đó:

- Ngân sách của cấp tỉnh là: 51.461.543.000 đồng.

- Ngân sách cấp huyện là: 202.488.425.000 đồng.

- Ngân sách cấp xã là: 7.677.866.000 đồng.

II. PHÂN CẤP NGÂN SÁCH BẢO ĐẢM

1. Ngân sách của tỉnh bảo đảm chi cho thực hiện các chế độ sau:

- Chế độ phụ cấp quản lý đơn vị chỉ huy Tự vệ, cơ quan sở, ngành trực thuộc tỉnh.

- Chế độ cho lực lượng DQTV khi Bộ chỉ huy quân sự tỉnh huy động thực hiện nhiệm vụ tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao và diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh và Quân khu.

- Chế độ trang phục cho lực lượng DQTV;

- Mua sắm trang bị công cụ hỗ trợ cho DQTV toàn tỉnh.

2. Ngân sách các huyện, thành phố bảo đảm ngân sách chi cho thực hiện các chế độ:

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm quản lý chỉ huy đơn vị DQTV trực thuộc huyện, thành phố.

- Chế độ phụ cấp thâm niên;

- Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự;

- Chế độ cho lực lượng dân quân thường trực.

- Chế độ cho lực lượng dân quân khi Ban chỉ huy quân sự cấp huyện huy động để thực hiện nhiệm vụ tập huấn, huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao; trực SSCĐ, phòng chống thiên tai dịch họa theo phân cấp.

- Chế độ cho lực lượng dân quân bị ốm đau, tai nạn, bị chết, bị thương hoặc hy sinh trong khi huấn luyện, hoạt động.

3. Ngân sách các xã, phường, thị trấn:

Bảo đảm chế độ cho lực lượng dân quân thực hiện nhiệm vụ huấn luyện theo phân cấp, SSCĐ, tuần tra truy quét, phòng chống bão lụt, thiên tai, dịch họa theo phân cấp.

4. Việc lập dự toán ngân sách: Ngân sách quản lý, sử dụng, thanh quyết toán chi cho lực lượng DQTV thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Hàng năm: Căn cứ vào khả năng ngân sách của địa phương và hỗ trợ của Trung ương, UBND tỉnh quyết định lộ trình bảo đảm ngân sách cho lực lượng DQTV để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của địa phương.

Đối với năm 2021, ngân sách địa phương thực hiện theo định mức chi giai đoạn 2017-2020. Từ năm 2022 trở đi, thực hiện theo định mức mới theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thanh